

Số: 177 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 22 tháng 01 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất tinh bột khoai mì Hưng Long được chuyển mục đích sử dụng đất để đầu tư dự án Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1264/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2015 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của huyện Dương Minh Châu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 343/TTr-STNMT ngày 21 tháng 01 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sản xuất tinh bột khoai mì Hưng Long được chuyển mục đích sử dụng 59.501,4 m² đất (trong đó, diện tích đất trồng cây hàng năm khác (HNK) là 40.730,9 m², đất trồng cây lâu năm (CLN) 18.770,5 m²) tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh từ đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp để sử dụng vào mục đích đầu tư dự án Nhà máy chế biến tinh bột khoai mì.

- Nguồn gốc đất: Công ty TNHH MTV sản xuất tinh bột khoai mì Hưng Long nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất từ ông Phạm Văn Niệm và bà Phạm Thị Lỗi theo Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất đã được Văn phòng Công chứng Tâm Thanh chứng thực số công chứng 169, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/01/2016.

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo tờ Trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 173/SĐ-TĐCL, tỷ lệ 1/5000 do Công ty TNHH Đo đạc bản đồ Nguyên Phương lập ngày 26/10/2015 và được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

- Thời hạn sử dụng đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất: Theo Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất đã được Văn phòng Công chứng Tâm Thanh chứng thực số công chứng 169, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/01/2016, cụ thể:

+ Đối với thửa đất số 55, 63, tờ bản đồ số 18, diện tích 8.980,8 m² thời hạn đến hết tháng 10/2024.

+ Đối với thửa đất số 69 tờ bản đồ số 18, diện tích 10.924,0 m² thời hạn đến hết tháng 03/2025.

+ Đối với thửa đất số 54 tờ bản đồ số 18, diện tích 3.194,8 m² thời hạn đến hết tháng 06/2026.

+ Đối với thửa đất số 73, 77, tờ bản đồ số 18, diện tích 18.771,0 m² thời hạn đến hết tháng 06/2047.

+ Đối với thửa đất số 44, 82, 88, 89, 90, tờ bản đồ số 18, diện tích 17.630,8m² thời hạn đến hết tháng 11/2066.

- Nghĩa vụ tài chính sau khi được phép chuyển mục đích sử dụng đất: Nộp tiền thuê đất hàng năm.

- Thời điểm tính tiền thuê đất: Kể từ ngày Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất có hiệu lực.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Dương Minh Châu, Cục Thuế Tỉnh, Giám đốc Công ty TNHH MTV Sản xuất tinh bột khoai mì Hưng Long, Văn phòng UBND Tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Thông báo cho Công ty TNHH MTV Sản xuất tinh bột khoai mì Hưng Long nộp phí và lệ phí theo quy định.

- Ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH MTV Sản xuất tinh bột khoai mì Hưng Long theo quy định.

- Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính cấp tỉnh và cấp huyện theo quy định.

2. Cục Thuế Tỉnh có trách nhiệm: Xác định đơn giá thuê đất, thông báo cho Công ty TNHH MTV Sản xuất tinh bột khoai mì Hưng Long để thực hiện nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật và chuyển cho Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ sở ký Hợp đồng thuê đất.

3. UBND huyện Dương Minh Châu có trách nhiệm:

- Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường trực thuộc chủ trì, phối hợp UBND xã Phan và các đơn vị có liên quan xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất nêu trên ngoài thực địa cho Công ty TNHH MTV Sản xuất tinh bột khoai mì Hưng Long.

- Chỉ đạo UBND xã Phan chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

4. Công ty TNHH MTV Sản xuất tinh bột khoai mì Hưng Long có trách nhiệm sử dụng đất đúng theo quy định của Luật đất đai và Luật Bảo vệ môi trường; ký hợp đồng thuê đất và trả tiền thuê đất, phí, lệ phí theo quy định.

5. Văn phòng UBND Tỉnh chịu trách nhiệm đăng Quyết định này lên cổng thông tin điện tử của Tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế Tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Dương Minh Châu, Chủ tịch UBND xã Phan, Giám đốc Công ty TNHH MTV Sản xuất tinh bột khoai mì Hưng Long, Thủ trưởng Sở, Ban, Ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận

- Như Điều 3(t/h);
- TTTH (đăng Website);
- Lưu: Văn thư, CVKT2.

160

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

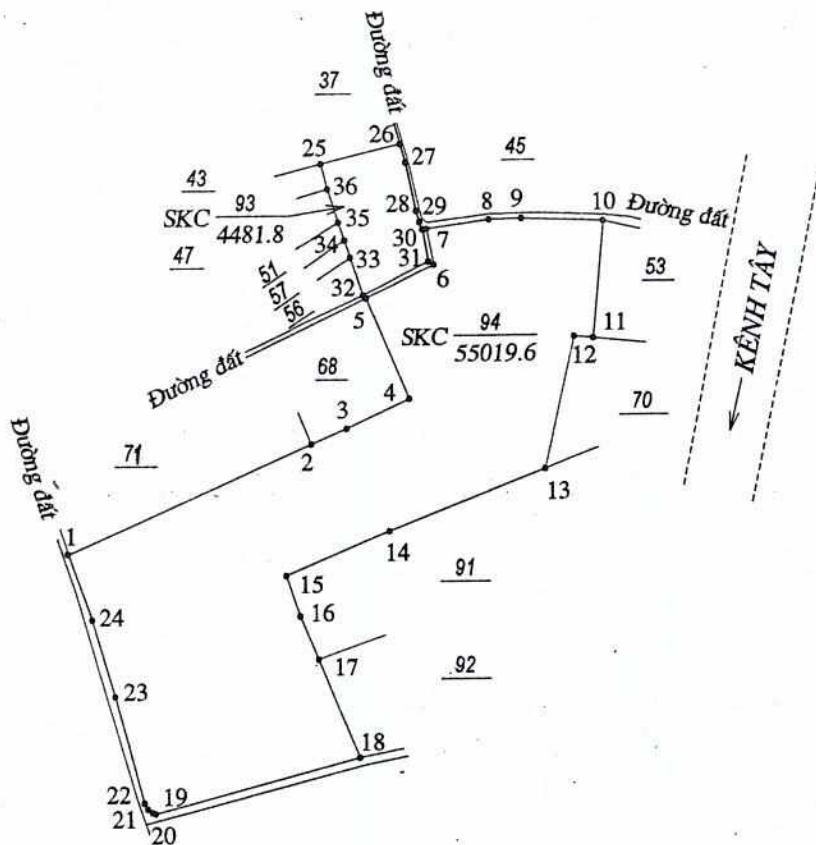
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hùng

BẢN TRÍCH ĐO CHÍNH LÝ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

- Tên tổ chức đề nghị trích đo chính lý: CÔNG TY TNHH MTV SẢN XUẤT TINH BỘT KHOAI MÌ HUNG LONG
- Địa chỉ:
- Mục đích trích đo chính lý: Xin chuyển mục đích sử dụng đất sang đất sản xuất kinh doanh (SKC)
- Mục đích sử dụng đất theo hiện trạng: Đất sản xuất kinh doanh (nhà máy chế biến tinh bột mỳ) (SKC)
- Diện tích: 59501.4m²
- Trích đo chính lý từ các thửa: 44, 54, 55, 63, 69, 73, 77, 82, 88, 89, 90.. Tờ bản đồ số: 18 ;
- Thửa đất mới số: 93, 94 - Tờ bản đồ mới số: 18;
- Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất:
- Khu vực đất: xã Phan - huyện Dương Minh Châu - tỉnh Tây Ninh



Tỉ lệ 1/5000

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-UBND ngày// 2015 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Ngày 16... tháng 11... năm 2015 CƠ QUAN TRÍCH ĐO	Ngày 14... tháng 12... năm 2015 UBND XÃ PHAN (Ký xác nhận đo vẽ phù hợp hiện trạng)	Ngày 25... tháng 12... năm 2015 CHI CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI	Ngày 30... tháng 12... năm 2015 SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 Bùi Văn Dàm	 Lê Hòa Hưng	 Biên Hoàn Vũ	 Nguyễn Đình Xuân

BẢNG THỐNG KÊ TOẠ ĐỘ GÓC THỪA
HỆ TOẠ ĐỘ VN 2000

Số hiệu góc thửa	Toạ độ		Cạnh
	X (m)	Y (m)	S (m)
1	1255089.90	579381.67	
2	1255161.69	579545.07	178.48
3	1255171.93	579569.25	26.26
4	1255191.56	579611.23	46.34
5	1255258.52	579582.69	72.79
6	1255280.70	579628.16	50.59
7	1255304.42	579623.44	24.19
8	1255310.50	579665.07	42.07
9	1255310.88	579686.65	21.58
10	1255308.85	579741.56	54.95
11	1255231.19	579734.41	77.99
12	1255232.29	579721.76	12.70
13	1255144.47	579701.63	90.10
14	1255104.00	579597.50	111.72
15	1255074.99	579527.75	75.54
16	1255048.10	579537.24	28.52
17	1255019.07	579549.46	31.50
18	1254953.43	579577.09	71.22
19	1254916.96	579439.23	142.60
20	1254917.79	579436.85	2.52
21	1254920.15	579433.74	3.90
22	1254924.24	579431.63	4.60
23	1254995.20	579412.34	73.54
24	1255046.38	579397.12	53.40
1	1255089.90	579381.67	46.18
25	1255347.76	579552.34	
26	1255360.70	579605.60	54.81
27	1255348.32	579609.19	12.89
28	1255316.29	579616.27	32.80
29	1255308.83	579618.66	7.83
30	1255304.00	579620.59	5.20
31	1255282.96	579624.15	21.34
32	1255260.56	579580.68	48.90
33	1255285.73	579572.20	26.56
34	1255297.08	579568.31	12.00
35	1255309.11	579564.20	12.71
36	1255331.14	579556.86	23.22
25	1255347.76	579552.34	17.22

BẢNG CÁC THỪA ĐẤT CHỈNH LÝ

Thông tin biến động	Stt thửa đất	Tờ bản đồ	MLĐất	Chủ sử dụng theo hiện trạng	Diện tích thửa đất đã được chỉnh lý (m ²)
Thửa đất hợp	44	18	BHK		
	88	18	ONT+LNK		
	89	18	ONT+LNK		
	90	18	ONT+LNK		
Thửa đất mới sau chỉnh lý					4481.8
Thửa đất hợp	54	18	SKC		
	55	18	TSN		
	63	18	ONT+LNK		
	69	18	ONT+LNK		
	73	18	LNC		
	77	18	LNC		
	82	18	BHK		
Thửa đất mới sau chỉnh lý					55019.6